HANTACID

(Gel nhôm hydroxyd khô, magnesi hydroxyd, simethicon)

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ, dược sĩ.

Thành phần

Mỗi 10 ml có chứa:

Hoạt chất: Gel nhôm hydroxyd khô ..... 220 mg
Magnesi hydroxyd .....195 mg
Simethicon ..... 25 mg

Tá dược:

Cremophor RH 40, crosspovidon siêu mịn, sorbitol, methylparaben, propylparaben, acid citric monohydrat, sucralose, hương hoa quả, nước tinh khiết vừa đủ.

Dạng bào chế: Hỗn dịch uống

Mô tả: Dịch uống màu trắng sữa. Dịch khi để yên thì dược chất rắn phân tán có thể tách riêng nhưng phải trở lại trạng thái phân tán đồng nhất trong chất dẫn khi lắc nhẹ trong 1 phút đến 2 phút và giữ nguyên trạng thái đó trong vài phút

pH: 7,0 – 9,0

Chỉ định:

Làm dịu các triệu chứng do tăng acid dạ dày (chứng ợ nóng, ợ chua, đầy bụng khó tiêu do tăng acid).
Tăng acid dạ dày do loét dạ dày, tá tràng.
Phòng và điều trị loét và chảy máu dạ dày tá tràng do stress.
Điều trị triệu chứng trào ngược dạ dày - thực quản.

Liều dùng và cách dùng

Liều lượng

Trẻ em 2 – 5 tuổi: 10 ml/lần x 3 lần/ngày
Trẻ em từ 5 – 12 tuổi: 10 – 20 ml/lần x 3-4 lần/ngày
Người lớn và thanh thiếu niên từ 12 – 18 tuổi: 10 – 20 ml/lần x 4 lần/ngày (sau ăn và trước khi đi ngủ) hoặc ngay lúc đau
Người già: sử dụng liều thông thường cho người lớn.

Cách dùng

Dùng đường uống.
Lắc kỹ trước khi dùng.

Chống chỉ định

Trường hợp quá mẫn với bất kỳ thành phần khác của thuốc.
Người bị suy nhược cơ thể, suy thận hoặc giảm phosphat máu.
Trẻ nhỏ bị mất nước hoặc bị suy thận.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Nhôm hydroxyd có thể gây táo bón; quá liều magnesi hydroxyd có thể làm giảm nhu động ruột già. Sử dụng một liều lớn sản phẩm có thể gây ra hoặc làm nặng thêm tình trạng tắc ruột ở những bệnh nhân có nguy cơ cao như những người suy thận hoặc những người già.
Nhôm hydroxyd hấp thu kém qua đường tiêu hóa và hiếm có tác dụng toàn thân ở người có chức năng thận bình thường. Tuy nhiên quá liều hoặc sử dụng dài ngày, hoặc ở liều thông thường ở bệnh nhân có chế độ ăn ít phospho, có thể dẫn đến tình trạng giảm phosphat (do liên kết nhôm – phosphat) kèm theo tăng tiêu xương và calci cùng với nguy cơ bị loãng xương.
Cần tham vấn bác sĩ và thăm khám thường xuyên trong trường hợp sử dụng dài ngày hoặc ở bệnh nhân có nguy cơ giảm phosphat.
Ở bệnh nhân suy thận, nồng độ nhôm và magnesi trong máu đều tăng lên. Ở các bệnh nhân này, sử dụng liều cao muối nhôm và magnesi kéo dài có thể dẫn đến tình trạng sa sút trí nhớ, thiếu máu hồng cầu nhỏ.
Nhôm hydroxyd có thể không an toàn ở bệnh nhân bị porphyria chạy thận nhân tạo.
Sản phẩm có chứa sorbitol, bệnh nhân có vấn đề về di truyền hiếm gặp không dung nạp fructose không nên sử dụng thuốc này.
Sản phẩm có chứa methyl paraben và propyl paraben có thể gây ra phản ứng dị ứng.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Thời kỳ mang thai

Chưa có thông tin về sự an toàn của Hantacid khi sử dụng cho phụ nữ có thai.

Thời kỳ cho con bú

Do Hantacid kém hấp thu, do đó, có một lượng rất nhỏ muối nhôm và magnesi bài tiết vào sữa mẹ. Simethicon không hấp thu qua đường tiêu hóa. Không có tác dụng trên nhũ nhi được báo cáo khi mẹ sử dụng sản phẩm.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

Thuốc không làm ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ thuốc

Không nên sử dụng Hantacid đồng thời với các thuốc khác vì có thể gây cản trở hấp thu nếu uống cùng trong vòng 1 giờ.
Các antacid có chứa nhôm sẽ ngăn cản hấp thu của các thuốc như tetracyclin, vitamin, ciprofloxacin, ketoconazol, hydroxycloroquin, cloroquin, clopromazin, rifampicin, cefdinir, cefpodoxim, levothyroxin, rosuvastatin.
Levothyroxin cũng có thể liên kết với simethicon, làm trì hoãn hoặc làm giảm hấp thu levothyroxin.
Polystyren sulphonat: cần thận trọng khi sử dụng đồng thời với polystyren sulphonat vì nguy cơ làm giảm hiệu quả của các hạt nhựa gắn kali, chuyển hóa kiềm ở các bệnh nhân bị suy thận (đã được báo cáo khi sử dụng nhôm hydroxyd và magnesi hydroxyd), và tắc ruột (đã được báo cáo khi sử dụng nhôm hydroxyd).
Nhôm hydroxyd và citrat có thể dẫn đến tình trạng làm tăng nồng độ nhôm, đặc biệt là ở bệnh nhân suy thận.

Tác dụng không mong muốn

Tác dụng không mong muốn được phân nhóm theo tần suất:
Rất thường gặp (ADR ≥ 1/10), thường gặp (1/100 ≤ ADR < 1/10), ít gặp (1/1000 ≤ ADR < 1/100), hiếm gặp (1/10.000 ≤ ADR < 1/1000), rất hiếm gặp (ADR < 1/10000) và không rõ (chưa ước tính được từ nguồn dữ liệu hiện có)
Rối loạn hệ thống miễn dịch
Không rõ: phản ứng quá mẫn, chẳng hạn như ngứa, nổi mề đay, phù mạch và phản ứng phản vệ
Rối loạn đường tiêu hóa
+ *Ít gặp*: táo bón hoặc tiêu chảy
+ *Không rõ*: đau bụng
Rối loạn dinh dưỡng và chuyển hóa
+ *Rất hiếm gặp*: tăng magnesi huyết
+ *Không rõ*:
Tăng nồng độ aluminium trong huyết tương
Giảm phospho huyết: sử dụng thời gian dài hoặc liều cao hoặc ở mức liều thông thường ở bệnh nhân có chế độ ăn ít phospho làm tăng nguy cơ tăng calci niệu, nhuyễn xương.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ khi gặp phải các tác dụng không mong muốn của thuốc.

Quá liều và cách xử trí

Không có triệu chứng nghiêm trọng khi quá liều được báo cáo.
Điều trị quá liều magnesi: cân nhắc tiêm tĩnh mạch calci gluconat, bù nước hoặc gây lợi tiểu.
Trong trường hợp suy thận, chạy thận nhân tạo hoặc thẩm phân phúc mạc là cần thiết.

Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: Nhóm thuốc kháng acid và chống đầy hơi
Nhôm hydroxyd: kháng acid
Magnesi hydroxyd: kháng acid
Simethicon: chống tạo bọt/đầy hơi
Mã ATC: A02AF02

Cơ chế tác dụng

Hantacid là công thức kết hợp cân bằng giữa hai thuốc kháng acid (nhôm hydroxyd và magnesi hydroxyd) với simethicon là 1 tác nhân có tác dụng phá bọt, giúp chống đầy hơi cho đường ruột. Magnesi hydroxyd có tác dụng nhanh và nhôm hydroxyd là thuốc kháng acid tác dụng chậm. Kết hợp hai tác nhân kháng acid này vừa cho thời gian khởi phát tác dụng nhanh, đồng thời tăng thời gian đệm của sản phẩm. Nhôm hydroxyd bản thân có tác dụng lưu giữ, gây ra táo bón. Tác dụng này được cân bằng bởi tác dụng gây tiêu chảy của magnesi hydroxyd.

Đặc tính dược động học

Không có thông tin

Quy cách đóng gói:

10 ml/ống nhựa, hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 40 ống.
10ml/ gói, hộp 20 gói, hộp 30 gói.

Bảo quản: Trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 3 năm kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở.

Nhà sản xuất

CPC1HN

Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín,
thành phố Hà Nội

T8-18-060826-T02562-NC00270

Kích thước (rộng x dài): **120 x 180**(mm). In 2 mặt.
Co chữ 6.8 pt (font Myriad pro regular)

Sửa nội dung phần: Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc